TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST Ngày 01 - 11 – 2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hải Quân.

Ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐST – HNGĐ ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị C(tên gọi khác Tạ Thị N), sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đội *, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn D; sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn D kết hôn ngày 20/01/2009, trước khi kết hôn có tìm hiểu yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2011 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D nghiện ma túy và thường xuyên gây sự, đánh đập chị. Do không chịu đựng được nên từ năm 2012 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, cho anh D thời gian để anh thay đổi bản thân nhưng anh D vẫn vậy, vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh D nữa, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh D có với nhau 01 con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 02/7/2006, hiện nay con đang ở cùng chị C, khi ly hôn chị C có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Văn D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ tố tụng của đương sự và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N).

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lý Văn Q, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2006 cho chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn D không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N) có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Lý Văn D có địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai văn bản tố tụng triệu tập anh Lý Văn D tham gia phiên tòa vào ngày 25/9/2019, anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 17/10/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, cũng như đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Xét thấy, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa, việc vắng mặt của anh D không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 chị Tạ Thị C và anh Lý Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị C và anh D hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến năm 2011 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh D nghiện ma túy và thường xuyên gây sự đánh đập chị C. Chị C đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh D không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2012 cho đến nay, chị C và anh D đã sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh D không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị C được ly hôn với anh D để giải phóng cho cả hai bên. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N).

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị C và anh D có với nhau 01 con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 02/7/2006. Hiện nay con đang ở cùng chị C, khi ly hôn chị C xin được nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa xét thấy từ khi chị C và anh D ly thân cho đến nay chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Văn Q, chị C vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt đối với con. Hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày

06/6/2019, khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, cháu Lý Văn Q đã có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ là chị C, do chị C có đủ điều kiện để chăm sóc cháu và từ khi vợ chồng anh chị ly thân đến nay chỉ có chị C chăm sóc cho con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lý Văn Q, sinh ngày 02/7/2006. Anh D không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Tạ Thị C(tên gọi khác Tạ Thị N) - Xử cho nguyên đơn chị Tạ Thị C(Tạ Thị N) được ly hôn với bị đơn anh Lý Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Văn Q, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2006 cho chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn D không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N) phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị C đã nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0000017, ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Tạ Thị C (tên gọi khác Tạ Thị N) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Lý Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết